

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Sỹ Lĩnh;
2. Ông Nguyễn Thanh Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 387/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST– HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 17/02/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Mạnh H, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà T vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; ông H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày: Bà và ông Lê Mạnh H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 09/11/2018, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống

hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau nhiều mặt, trong đó chủ yếu là do không có con chung nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, đến nay quan hệ tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện nên Bà T giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Mạnh H. *Về con chung*: Bà Phạm Thị T xác định vợ chồng bà không có con chung, bà không yêu cầu giải quyết. *Về tài sản chung*: Bà Phạm Thị T xác định vợ chồng bà không có tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. *Về nợ chung*: Bà Phạm Thị T xác định vợ chồng bà không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai bị đơn ông Lê Mạnh H trình bày: Ông xây dựng gia đình với bà Phạm Thị T vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 9/11/2018. Quá trình chung sống vợ chồng ông hòa thuận, hạnh phúc bình thường, có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn. Tháng 7/2022, vợ chồng có xảy ra cãi nhau chủ yếu là tài chính, tiền bạc. Hiện nay ông và Bà T vẫn chung sống với nhau bình thường. Nay bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông, ông xác định mâu thuẫn vợ chồng ông là mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức độ trầm trọng, ông vẫn còn tình cảm với Bà T, ông mong Bà T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Ông không đồng ý ly hôn với Bà T. *Về con chung*: Ông Lê Mạnh H xác định vợ chồng ông không có con chung, ông không yêu cầu giải quyết. *Về tài sản chung*: Ông Lê Mạnh H xác định vợ chồng ông không có tài sản chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. *Về nợ chung*: Ông Lê Mạnh H xác định vợ chồng ông không có nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành do vắng mặt bị đơn ông Lê Mạnh H nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị T vắng mặt, tuy nhiên tại Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H. Bị đơn ông Lê Mạnh H vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông H cùng xác định không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không đặt ra để xem xét.

Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Phạm Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Lê Mạnh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt bà Phạm Thị T và ông Lê Mạnh H theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phạm Thị T và Lê Mạnh H xây dựng gia đình với nhau năm 2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 09/11/2018 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Bà T xác định mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, không còn khả năng cải thiện nên Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông H. Ông Lê Mạnh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông H xác định mâu thuẫn vợ chồng là mâu thuẫn về kinh tế, tiền bạc, mâu thuẫn vợ chồng là nhỏ, chưa trầm trọng, ông vẫn còn tình cảm với Bà T nên không đồng ý giải quyết ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà T và ông H phát sinh từ tháng 7/2022, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự cảm thông chia sẻ với nhau trong cuộc sống hơn nữa vợ chồng Bà T, ông H không có con chung nên giữa Bà T và ông H thiếu sự kết nối về mặt tình cảm. Ông H mong Bà T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông H không có biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng tốt hơn. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Phạm Thị T, xử cho bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Lê Mạnh H là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Bà Phạm Thị T và ông Lê Mạnh H cùng xác định không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung, Bà T và ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Bà Phạm Thị T nhận chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của Bà Phạm Thị T, xử cho Phạm Thị T được ly hôn với ông Lê Mạnh H.

2. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010703 ngày 04/10/2022.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Anh